

Số: 429/2020/QĐST-HNGĐ

*Bến Cát, ngày 15 tháng 9 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 772/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”, giữa:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1992;

Trú tại: Đường NL19, phường T, thị xã B, tỉnh Bình D.

Bị đơn: Ông Trần Khoa M, sinh năm: 1992

Trú tại: Đường NL19, phường T, thị xã B, tỉnh Bình D.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 9 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị T và ông Trần Khoa M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*Về hôn nhân:* Bà Phạm Thị T và ông Trần Khoa M thống nhất thuận tình ly hôn.

*Về con chung:* Giao cháu Trần Phạm Quỳnh C, sinh ngày 10/3/2020 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà T yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Phạm Quỳnh C mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 01/10/2020.

Kể từ ngày án có hiệu lực thi hành và bà Phạm Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Khoa M chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, thì hàng tháng ông M còn phải thanh toán cho bà T số tiền lãi bằng mức lãi suất theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ông M được quyền đi lại, thăm nom chăm sóc con chung. Không ai được cản trở ông M thực hiện quyền này.

Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

*Về án phí:* Bà Phạm Thị T và ông Trần Khoa M mỗi bên đồng ý chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông M đồng ý chịu 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng. Tuy nhiên, bà Thương đồng ý nộp thay cho ông M số tiền 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nên được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2016/0048087 ngày 07/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Bà T đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Ủy ban nhân dân phường Thới Hòa;
- Lưu: HSPA, VT.

**THẨM PHÁN**

**Đậu Thị Thảo**